

TRƯỜNG PTDT BT THCS ĐINH RUỒI
L. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025- 2026

MÔN TOÁN – LỚP 6
ĐỀ 1

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai”2			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chương 1: Số tự nhiên	<i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i> <i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>		4			1						3		5	3	40% 4.0	

2		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	4			1			2						7			30% 3.0
3	Chương Hình học trực quan	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	4							2					4	2		20% 2.0
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành												1			1	10% 1.0
Tổng số câu			8	4		1	1		2	2				4	11	7	4	22
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK I TOÁN 6

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Chương 1: Số tự nhiên	<i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i> <i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên Tính chia hết trong tập hợp các số tự</i>	<i>Biết:</i> Biết được tập hợp các số tự nhiên Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập ph Vận dụng: – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp, tìm số phần tử của tập hợp ân. <i>Biết:</i> – Biết được thứ tự thực hiện các phép tính <i>Vận dụng:</i> Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên		C1 C2 C3 C4 (TD)			C1 (GQ)							C1 C2 C4 (GQ)

		<i>nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</i>													
2	Chương III: Các hình hình học trực quan	<i>Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành</i>	<i>Biết:</i> - Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). - Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). - Nhận biết được khái niệm số đo góc.	C5 (MH) C6 C7 C8 (TD)			C2 (TD)			C1 C2 (TD)					
Tổng số câu				8	4		1	1		2	2				4
Tổng số điểm				3,0			2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ %				30			20			20			30		

TR. PTDTBT THCS ĐÌNH RUỒI Họ và tên :..... Lớp:.....SBD:..... Đề 1	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I Năm học 2025-2026 Môn: Toán 6 Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)	Số mật mã
--	---	--------------

Giám thị 1	Giám thị 2	Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Số mật mã
------------	------------	----------------	----------------	-----------------	------------------	--------------

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án. (3,0 điểm)

Câu 1. Cho tập hợp $M = \{1; 2; 4\}$, khẳng định nào sau đây là *đúng*?

- A. $2 \notin M$ B. $4 \in M$ C. $0 \in M$ D. $4 \notin M$

Câu 2. Lũy thừa 5^2 có kết quả đúng là:

- A. 10 B. 5 C. 2 D. 25

Câu 3. Với a, m, n là các số tự nhiên, khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $a^m \cdot a^n = a^{m+n}$ ($a \neq 0$) B. $a^m : a^n = a^{m+n}$ ($a \neq 0$)
 C. $a^m \cdot a^n = a^{m \cdot n}$ ($a \neq 0$) D. $a^m : a^n = m - n$ ($a \neq 0$)

Câu 4. Kết quả của phép tính: $12.5 - 2.5$ là :

- A. 60 B. 10 C. 50 D. 500

Câu 5. Kết quả của phép tính $4^3.4^2$ viết dưới dạng lũy thừa là:

- A. 4^5 B. 4^2 C. 4^6 D. 16^2

Câu 6. Số tự nhiên nào sau đây chia cho 3 dư 1?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 7. Trong các số tự nhiên sau, số nào là số nguyên tố?

- A. 4 B. 15 C. 7 D. 9

Câu 8. Số tự nhiên nào sau đây chia hết cho 9?

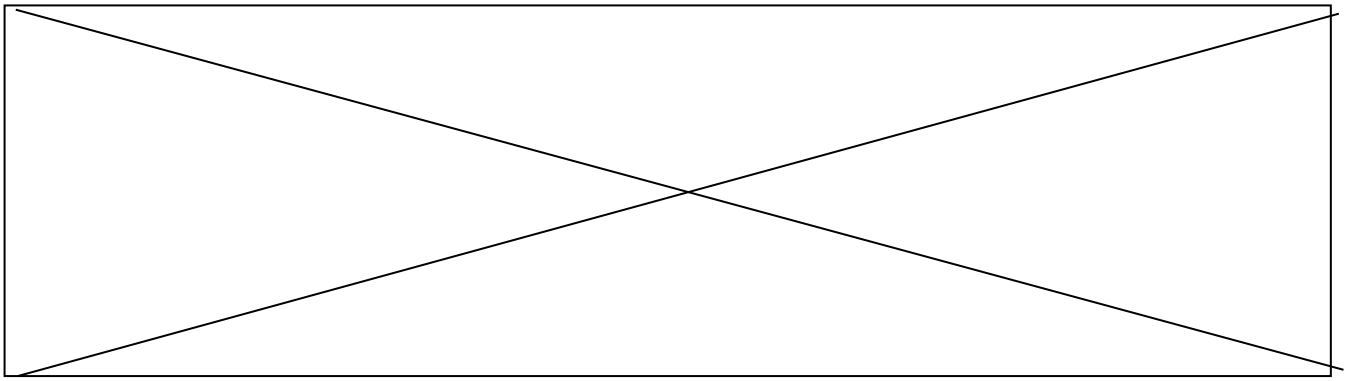
- A. 216 B. 359 C. 439 D. 350

Câu 9. Số tự nhiên nào sau đây là ước của 8?

- A. 5 B. 6 C. 3 D. 2

Câu 10. Số tự nhiên nào sau đây là bội của 2

- A. 15 B. 54 C. 1 D. 1965



Câu 11. Chiếc đồng hồ gỗ dưới đây có hình dạng giống hình:

- A. Tam giác B. Hình bình hành
C. Hình thoi D. Lục giác đều



Câu 12. Hình nào là hình vuông?

- A. Hình có bốn góc bằng nhau; B. Hình có bốn cạnh bằng nhau
C. Hình có bốn góc bằng nhau và bốn cạnh bằng nhau
D. Hình có hai đường chéo bằng nhau

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.)

Câu 1. Kết quả của phép tính $7^5 \cdot 7^2$

- a) 7^5 ☐ b) 7^7 ☐
b) 7^{10} ☐ d) 49^7 ☐

Câu 2. a) 2 không phải là số nguyên tố ☐ ; b) 2 là số nguyên tố ☐

c) Tất cả các số nguyên tố đều là số lẻ ☐ ; d) 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất ☐

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.)

Câu 1. Hình vuông có cạnh bằng 5 cm

- a) chu vi hình vuông bằng
b) Diện tích hình vuông bằng.....

Câu 2. Hình chữ nhật có độ dài hai cạnh là 3cm và 5cm

- a) Chu vi hình chữ nhật đó bằng.....
b) Diện tích hình chữ nhật đó bằng.....

PHẦN IV. Tự luận. (Thí sinh làm bài từ câu 1 đến câu 4)

Câu 1: (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức (Tính nhanh nếu có thể).

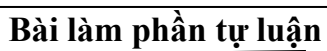
a) $27.36 + 27.64$ b, $\left\{ 54 - \left[50 : 2 - (3^2 - 2.4) \right] \right\}$

Câu 2: (1 điểm) Tìm số tự nhiên x biết.

a) $x + 5 = 10$ b) $5.(x + 2) = 80$

Câu 3: (1 điểm). Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài là 20 m và chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài. Người ta lát nền bằng những viên gạch hình vuông cạnh 0,4 m.

- a) Tính diện tích nền nhà.
b) Tính số viên gạch cần dùng để lát nền nhà đó (Coi diện tích khe giữa các viên gạch không đáng kể)

[illegible]

MÔN: Toán 6

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (trả lời đúng mỗi câu 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	A	C	A	B	C	A	D	B	D	C

Câu 2. a) S b) Đ c) S d) Đ

b) 15 cm^2

Câu	Nội dung	Điểm
1	a) $27.36 + 27.64$ $= 27.(36 + 64)$ $= 27.100 = 2700$	0,25
	b) $\left\{ 54 - \left[50 : 2 - (3^2 - 2.4) \right] \right\}$ $= \left\{ 54 - \left[50 : 2 - (9 - 8) \right] \right\}$ $= \left\{ 54 - [25 - 1] \right\}$ $= \{ 54 - 24 \} = 30$	0,25 0,25 0,25
2	a) $x + 5 = 10$ $x = 10 - 5$ $x = 5$	0,25 0,25
	b) $5.(x + 2) = 80$ $x + 2 = 16$ $x = 14$	0,25 0,25

3	a) Chiều rộng của nền nhà là: $\frac{1}{4} \cdot 20 = 5$ (m)	0,25
	Diện tích nền nhà hình chữ nhật là: $20 \cdot 5 = 100$ (m ²)	0,25
	b) Diện tích một viên gạch lát nền là: $0,4 \cdot 0,4 = 0,16$ (m ²) Số viên gạch dùng để lát nền nhà là: $100 : 0,16 = 625$ (viên)	0,25 0,25

TRƯỜNG PTDT BT THCS ĐINH RUỒI
L. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025- 2026

MÔN TOÁN – LỚP 6
ĐỀ 2

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai”2			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chương 1: Số tự nhiên	<i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i> <i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>		4			1						3		5	3	40% 4.0	

2		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	4			1			2						7			30% 3.0
3	Chương Hình học trực quan	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	4							2					4	2		20% 2.0
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành												1			1	10% 1.0
Tổng số câu			8	4		1	1		2	2				4	11	7	4	22
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK I TOÁN 6

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Chương 1: Số tự nhiên	<i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i> <i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên Tính chia hết trong tập hợp các số tự</i>	<i>Biết:</i> Biết được tập hợp các số tự nhiên Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập ph <i>Vận dụng:</i> – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp, tìm số phần tử của tập hợp ân. <i>Biết:</i> – Biết được thứ tự thực hiện các phép tính <i>Vận dụng:</i> Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên		C1 C2 C3 C4 (TD)			C1 (GQ)						C1 C2 C4 (GQ)	

		<i>nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</i>													
2	Chương III: Các hình hình học trực quan	<i>Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành</i>	<i>Biết:</i> - Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). - Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). - Nhận biết được khái niệm số đo góc.	C5 (MH) C6 C7 C8 (TD)			C2 (TD)			C1 C2 (TD)					
Tổng số câu				8	4		1	1		2	2				4
Tổng số điểm				3,0			2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ %				30			20			20			30		

TR. PTDTBT THCS ĐÌNH RUỒI Họ và tên :..... Lớp:.....SBD:..... Đề 2	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I Năm học 2025-2026 Môn: Toán 6 Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)	Số mật mã
--	---	--------------

Giám thị 1	Giám thị 2	Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Số mật mã
------------	------------	----------------	----------------	-----------------	------------------	--------------

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án. (3,0 điểm)

Câu 1. Cho tập hợp $M = \{1; 2; 5\}$, khẳng định nào sau đây là *đúng*?

- A. $2 \notin M$ B. $5 \in M$ C. $0 \in M$ D. $5 \notin M$

Câu 2. Lũy thừa 6^2 có kết quả đúng là:

- A. 12 B. 6 C. 2 D. 36

Câu 3. Với a, m, n là các số tự nhiên, khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $a^m \cdot a^n = a^{m+n}$ ($a \neq 0$) B. $a^m : a^n = a^{m+n}$ ($a \neq 0$)
 C. $a^m \cdot a^n = a^{m \cdot n}$ ($a \neq 0$) D. $a^m : a^n = m - n$ ($a \neq 0$)

Câu 4. Kết quả của phép tính: $12 \cdot 6 - 2 \cdot 6$ là :

- A. 60 B. 10 C. 50 D. 500

Câu 5. Kết quả của phép tính $4^5 \cdot 4^2$ viết dưới dạng lũy thừa là:

- A. 4^5 B. 4^2 C. 4^7 D. 16^7

Câu 6. Số tự nhiên nào sau đây chia cho 3 dư 1?

- A. 6 B. 7 C. 5 D. 9

Câu 7. Trong các số tự nhiên sau, số nào là số nguyên tố?

- A. 14 B. 15 C. 17 D. 27

Câu 8. Số tự nhiên nào sau đây chia hết cho 9?

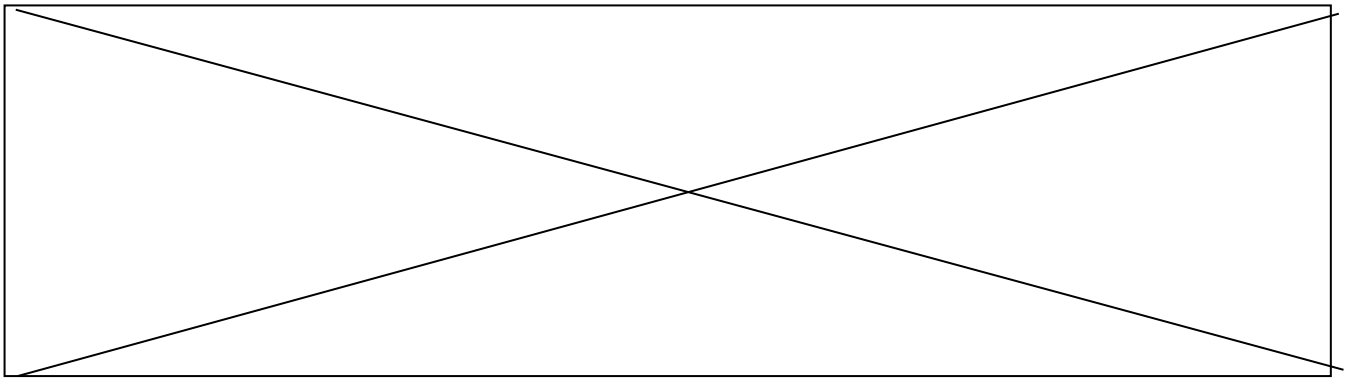
- A. 738 B. 359 C. 439 D. 350

Câu 9. Số tự nhiên nào sau đây là ước của 28?

- A. 5 B. 6 C. 3 D. 7

Câu 10. Số tự nhiên nào sau đây là bội của 4

- A. 15 B. 54 C. 1 D. 1960



Câu 11. Chiếc đồng hồ gỗ dưới đây có hình dạng giống hình:

- A. Tam giác B. Hình bình hành
C. Hình thoi D. Lục giác đều



Câu 12. Hình nào là hình vuông?

- A. Hình có bốn góc bằng nhau; B. Hình có bốn cạnh bằng nhau
C. Hình có bốn góc bằng nhau và bốn cạnh bằng nhau
D. Hình có hai đường chéo bằng nhau

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.)

Câu 1. Kết quả của phép tính $. 4^3.4^2$

- a) 4^5 ☐ b) 4^6 ☐
c) 16^5 ☐ d) 16^6 ☐

Câu 2. a) 2 không phải là số nguyên tố ☐ ; b) 2 là số nguyên tố ☐

c) Tất cả các số nguyên tố đều là số lẻ ☐ ; d) 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất ☐

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.)

Câu 1. Hình vuông có cạnh bằng 5 cm

- a) chu vi hình vuông bằng
b) Diện tích hình vuông bằng.....

Câu 2. Hình chữ nhật có độ dài hai cạnh là 3cm và 5cm

- a) Chu vi hình chữ nhật đó bằng.....
b) Diện tích hình chữ nhật đó bằng.....

PHẦN IV. Tự luận. (Thí sinh làm bài từ câu 1 đến câu 4)

Câu 1: (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức (Tính nhanh nếu có thể).

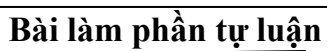
a) $43.36 + 43.64$ b, $\left\{ 54 - \left[50 : 2 - \left(3^2 - 2.4 \right) \right] \right\}$

Câu 2: (1 điểm) Tìm số tự nhiên x biết.

a) $x + 5 = 10$ b) $5.(x + 2) = 80$

Câu 3: (1 điểm). Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài là 20 m và chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài. Người ta lát nền bằng những viên gạch hình vuông cạnh 0,4 m.

- a) Tính diện tích nền nhà.
b) Tính số viên gạch cần dùng để lát nền nhà đó (Coi diện tích khe giữa các viên gạch không đáng kể)

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.

MÔN: Toán 6

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	A	A	C	B	C	A	D	D	D	C

Câu 2. a) S b) Đ c) S d) Đ

b) 15 cm^2

Câu	Nội dung	Điểm
1	a) $43.36 + 43.64$ $= 43.(36 + 64)$ $= 43.100 = 4300$	0,25 0,25
	b) $\left\{ 54 - \left[50 : 2 - (3^2 - 2.4) \right] \right\}$ $= \left\{ 54 - \left[50 : 2 - (9 - 8) \right] \right\}$ $= \left\{ 54 - [25 - 1] \right\}$ $= \{ 54 - 24 \} = 30$	0,5 0,25 0,25
2	a) $x + 5 = 10$ $x = 10 - 5$ $x = 5$ b) $5.(x + 2) = 80$ $x + 2 = 16$ $x = 14$	0,25 0,25 0,25 0,25

3	a) Chiều rộng của nền nhà là: $\frac{1}{4} \cdot 20 = 5$ (m)	0,25
	Diện tích nền nhà hình chữ nhật là: $20 \cdot 5 = 100$ (m ²)	0,25
	b) Diện tích một viên gạch lát nền là: $0,4 \cdot 0,4 = 0,16$ (m ²)	0,25
	Số viên gạch dùng để lát nền nhà là: $100 : 0,16 = 625$ (viên)	0,25